

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Út
- Ông Phạm Văn Thành

Thư ký phiên tòa: ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp T xã M huyện C tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh S, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp T xã M huyện C tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh T trình bày:

Do quen biết nên bà và ông Trần Minh S đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có tổ chức cưới hỏi, được gia đình 2 bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C vào ngày 10/6/2013. Sau khi cưới bà và ông S sống tại thành phố T. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S cờ bạc, bà có khuyên nhưng ông S không sửa đổi, bà cũng nhiều lần trả tiền nợ cờ bạc cho ông S. Từ năm 2020 bà và ông S không còn sống chung với nhau nữa, bà vẫn sống ở thành phố T còn ông S về nhà cha mẹ ruột ở xã M huyện C sống. Từ đó đến nay bà và ông S không có gặp nhau, không có liên lạc điện thoại cũng không bên nào có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay bà xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: bà và ông S có 02 con chung tên Trần Ngọc Thảo V, sinh ngày: 04/8/2013 và Trần Ngọc Thanh V1, sinh ngày: 18/8/2017, về con chung sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Trần Minh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Minh S không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Trần Minh S vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa, ông Phạm Chí Hiếu – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Thanh T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà Hồ Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Minh S. Về con chung: giao con chung Trần Ngọc Thảo V, sinh ngày: 04/8/2013 và Trần Ngọc Thanh V1, sinh ngày: 18/8/2017 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, ông Trần Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Hồ Thị Thanh T cung cấp trong vụ án là: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao CCCD của bà T, bản sao giấy khai sinh con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Hồ Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh S. Ông S cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Hồ Thị Thanh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản xác minh của Công an xã M xác nhận ông Trần Minh S có đăng ký thường trú và hiện sinh sống tại xã M, huyện C. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông S, ông S đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông S.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, thấy rằng: bà T và ông S xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/6/2013 nên hôn nhân của bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S cờ bạc, bà T có khuyên nhưng ông S không sửa đổi, bà T cũng nhiều lần trả tiền nợ cờ bạc cho ông S. Từ năm 2020 bà T và ông S không còn sống chung với nhau nữa. Từ đó đến nay bà T và ông S không có gặp nhau, cũng không ai có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về phía ông S, từ khi bà T nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T nhưng ông S cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông S không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà T đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp.

[3] Về con chung: bà T và ông S có 02 con chung tên Trần Ngọc Thảo V, sinh ngày: 04/8/2013 và Trần Ngọc Thanh V1, sinh ngày: 18/8/2017, hiện đang sống với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, hiện

con chung đang sống với bà T, cuộc sống ổn định, phát triển bình thường, ngoài ra cháu Thảo V có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Ông S đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu nuôi con của bà T nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Trần Ngọc Thảo V và Trần Ngọc Thanh V1 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: bà Hồ Thị Thanh T không yêu cầu ông Trần Minh S cấp dưỡng nuôi con do đó ông Trần Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Hồ Thị Thanh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Hồ Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thanh T về việc "Ly hôn" với ông Trần M sang.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Minh S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Thảo V, sinh ngày: 04/8/2013 và Trần Ngọc Thanh V1, sinh ngày: 18/8/2017 cho bà Hồ Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Trần Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Hồ Thị Thanh T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005634 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Bà Hồ Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Hồ Thị Thanh T và ông Trần Minh S vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm

